

Bản án số 304/2025/HS-PT

Ngày 17/4/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Ngô Quang Dũng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Biều, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 638/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Tàng Văn M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Tàng Văn M, sinh ngày 15/12/1991 tại huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú: thôn Nà V, xã Bình X, huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tàng Văn N và bà Hoàng Thị L; có vợ là Chu Thị Ph và 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý kỷ luật, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2021 đến nay; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Tàng Văn M:** Luật sư Nguyễn Tài H - Văn phòng luật sư Ngh - H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*** Người bị hại không kháng cáo được Tòa án triệu tập:**

1. Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1970; nơi cư trú: Khu 1, thị trấn Đình L1, huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu 1, thị trấn Đình L1, huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Ma Văn Q, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn Nà V, Xã Bính X, huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn Nà V, xã Bính X, huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Tàng Văn N, sinh năm 1951; nơi cư trú: thôn Nà V, Xã Bính X, huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Anh Ngô Văn L2, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn Trong L3, xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

5. Anh Trần Trung D, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn Khả Lý H2, xã Quang Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

6. Ông Hoàng Văn Th1, sinh năm 1955; nơi cư trú: thôn Nà V, xã Bính X, huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Anh Tàng Văn L1, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Nà V, xã Bính X, huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Năm 2016, Tàng Văn M, Ma Văn Q, Nguyễn Văn H1 cùng kinh doanh mua, bán lợn thịt xuất sang Trung Quốc. Khoảng đầu tháng 10/2016, do nhu cầu mở rộng kinh doanh nên Tàng Văn M, Ma Văn Q, Nguyễn Văn H1 thống nhất mỗi người góp 500.000.000 đồng. Do Tàng Văn M, Nguyễn Văn H1 không có tiền góp, cũng không có khả năng đứng tên vay tiền ngân hàng nên đã cùng Ma Văn Q đến nhà Hoàng Văn Th (em rể Ma Văn Q, Nguyễn Văn H1) đặt vấn đề nhờ Hoàng Văn Th đứng tên vay tiền ngân hàng giúp Tàng Văn M, Nguyễn Văn H1 mỗi người 500.000.000 đồng, được Hoàng Văn Th đồng ý.

Ngày 26/10/2016, Hoàng Văn Th cùng vợ là Nguyễn Thị M1 đã lập Hợp đồng tín dụng để vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ngân hàng AGRIBANK) Chi nhánh huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn số tiền 1.000.000.000 đồng, trong thời hạn 05 năm, lãi suất 12%/năm, thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở) của gia đình tại khu I, thị trấn Đình L1, huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi vay được tiền từ ngân hàng, Hoàng Văn Th gọi Ma Văn Q, Nguyễn Văn H1, Tàng Văn M đến lấy tiền.

Ngày 27/10/2016 (tức ngày 27/9/2016 âm lịch), Ma Văn Q, Nguyễn Văn H1, Tàng Văn M cùng đến nhà Hoàng Văn Th. Tại nhà Hoàng Văn Th, Tàng Văn M và Nguyễn Văn H1 đếm và nhận tiền, các bên thỏa thuận lãi suất tính

theo lãi suất ngân hàng dựa trên số tiền gốc đã vay, ngoài ra không làm thủ tục giấy tờ gì liên quan đến việc vay tiền; Nguyễn Văn H1 giao 01 Giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển kiểm soát 12C-055.94 cho Hoàng Văn Th.

Sau khi vay được tiền, Tàng Văn M cùng Nguyễn Văn H1, Ma Văn Q đã sử dụng toàn bộ vào việc kinh doanh, mua bán lợn thịt. Ban đầu việc kinh doanh thuận lợi, lãi thu về Tàng Văn M, Nguyễn Văn H1, Ma Văn Q chia đều cho nhau. Nguyễn Văn H1, Tàng Văn M thanh toán lãi ngân hàng cho Hoàng Văn Th đầy đủ theo thỏa thuận. Sau đó một thời gian, thấy Tàng Văn M trả tiền lãi chậm và không đầy đủ, Hoàng Văn Th yêu cầu Tàng Văn M phải có tài sản đưa cho Hoàng Văn Th để đảm bảo cho khoản vay nên cuối tháng 12/2016, Tàng Văn M đã giao 01 Giấy đăng ký xe ô tô bán tải nhãn hiệu Mazda biển kiểm soát 12C-053.41 của Tàng Văn M cho Hoàng Văn Th để làm tin. Đến đầu năm 2017, phía Trung Quốc dừng hoạt động thu mua lợn, các chủ hàng bên Trung Quốc nợ tiền không trả nên Tàng Văn M, Nguyễn Văn H1, Ma Văn Q không kinh doanh nữa.

Ngày 26/3/2017 (tức ngày 29/02/2017 âm lịch), Tàng Văn M và Ma Văn Q đến nhà Hoàng Văn Th, Tàng Văn M nhờ Ma Văn Q viết “Giấy vay tiền” với nội dung *xác nhận lại việc Tàng Văn M, Nguyễn Văn H1 có vay 1.000.000.000 đồng của Hoàng Văn Th để buôn bán hàng lợn thương phẩm, Tàng Văn M để lại 01 Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 12C-053.41 của Tàng Văn M để làm tin; nay Tàng Văn M xin lấy lại Giấy đăng ký xe ô tô, biển kiểm soát 12C-053.41 để bán xe và cam kết đến ngày 27/4/2017, Tàng Văn M sẽ trả tiền cho Nguyễn Thị M1 (vợ Hoàng Văn Th), Tàng Văn M đã ký, ghi họ tên tại mục người vay tiền.* Vì tin tưởng, nên Hoàng Văn Th đã giao lại Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 12C-053.41 cho Tàng Văn M, sau khi nhận lại Giấy đăng ký xe ô tô Tàng Văn M đã đem bán chiếc xe ô tô này cho anh Hoàng Trung D với giá 720.000.000 đồng và nhận đủ tiền. Tuy nhiên sau khi bán xe, Tàng Văn M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi cho vợ chồng Hoàng Văn Th, Nguyễn Thị M1 như đã cam kết. Như vậy, hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Tàng Văn M hoàn thành kể từ thời điểm Tàng Văn M bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12C-053.41 cho anh Hoàng Trung D nhưng không trả tiền cho anh Hoàng Văn Th.

Quá trình điều tra xác định, ngoài chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12C-053.41, Tàng Văn M còn sở hữu 02 chiếc xe ô tô khác gồm 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT-50, biển kiểm soát 12C-065.84 đăng ký ngày 22/8/2017. 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu FOR RANGER, biển kiểm soát 12C-096.76, đăng ký ngày 05/01/2021. Tàng Văn M khai mua 02 chiếc xe này bằng hình thức trả góp từ nguồn tiền vay và bố mẹ bán đòi cho tiền, chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12C-065.84 sử dụng được một thời gian do không có tiền trả lãi ngân hàng nên Tàng Văn M đã chuyển nhượng cho anh trai là Tàng Văn Lập, trừ số tiền vay ngân hàng, còn lại khoảng 100.000.000 đồng. Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12C-

096.76 sử dụng được mấy tháng sau thì Tăng Văn M bán được khoảng 500.000.000 đồng, trừ tiền vay ngân hàng khoảng 200.000.000 đồng còn lại khoảng 300.000.000 đồng. Khi có tiền từ việc bán 02 chiếc xe ô tô này, Tăng Văn M vẫn không trả lại số tiền đã vay của vợ chồng Hoàng Văn Th, Nguyễn Thị M1 mà đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

Sau nhiều lần yêu cầu Tăng Văn M trả nợ không được, ngày 28/9/2018, anh Hoàng Văn Th yêu cầu Tăng Văn M đến nhà để viết giấy nhận nợ. Tại nhà Hoàng Văn Th, Tăng Văn M tiếp tục nhờ Ma Văn Q viết “Giấy nhận nợ” với nội dung *xác nhận số tiền M nợ Th tổng cộng là 569.000.000 đồng, gồm 500.000.000 đồng tiền nợ gốc và 69.000.000 đồng tiền lãi ngân hàng*. Tăng Văn M đã ký tên xác nhận và điểm chỉ.

Tháng 7/2019, bố của Tăng Văn M là ông Tăng Văn N viết giấy chuyển nhượng thửa đất của gia đình tại thôn Nà V, xã Bính Xá, huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn cho anh Ma Văn Q để gán khoản tiền mà Tăng Văn M nợ anh Ma Văn Q trước đó. Khi biết sự việc trên, vì cần tiền nên anh Hoàng Văn Th đặt vấn đề với anh Ma Văn Q về việc chuyển nhượng thửa đất sang cho anh Hoàng Văn Th để trừ khoản tiền Tăng Văn M vay anh Hoàng Văn Th, anh Ma Văn Q và Tăng Văn M đồng ý. Anh Hoàng Văn Th đã đưa cho Tăng Văn M 100.000.000 đồng để làm thủ tục sang tên thửa đất này. Tuy nhiên, do đất có tranh chấp với hộ gia đình anh Hoàng Văn T nên không làm thủ tục được, vì vậy anh Hoàng Văn Th không lấy đất và yêu cầu Tăng Văn M phải trả khoản tiền đã vay và số tiền 100.000.000 đồng làm thủ tục sang tên nói trên.

Sau khi anh Hoàng Văn Th từ chối nhận thửa đất và yêu cầu Tăng Văn M trả lại tiền làm thủ tục chuyển nhượng đất, anh Ma Văn Q vẫn giữ lại giấy chuyển nhượng đất viết tay giữa anh Ma Văn Q với ông Tăng Văn N để xác nhận khoản tiền mà Tăng Văn M còn nợ anh Ma Văn Q và số tiền 100.000.000 đồng mà anh Hoàng Văn Th đã đưa cho Tăng Văn M nêu trên. Ngày 07/10/2021, ông Tăng Văn N cùng anh Ngọ Văn L2 (anh rể Tăng Văn M) đến nhà anh Hoàng Văn Th đặt vấn đề trả lại số tiền 100.000.000 đồng để lấy lại giấy chuyển nhượng đất từ anh Ma Văn Q. Sau khi ông Tăng Văn N trả tiền và nhận lại giấy chuyển nhượng đất, anh Ngọ Văn L2 viết giấy biên nhận chuộc lại đất.

Như vậy thửa đất trên là ông Tăng Văn N chuyển nhượng cho anh Ma Văn Q, để trừ nợ cho Tăng Văn M đối với khoản tiền Tăng Văn M nợ anh Ma Văn Q, chứ không phải chuyển nhượng cho anh Hoàng Văn Th để trừ nợ khoản tiền mà Tăng Văn M nợ anh Hoàng Văn Th. Tại Cơ quan điều tra, Tăng Văn M cũng thừa nhận việc chuyển nhượng thửa đất trên không liên quan đến việc vay nợ giữa Tăng Văn M và vợ chồng anh Hoàng Văn Th, chị Nguyễn Thị M1. Việc Tăng Văn M đồng ý dùng thửa đất của ông Tăng Văn N để trừ khoản tiền anh Hoàng Văn Th cho vay chỉ là khắc phục hậu quả, tuy nhiên việc chuyển nhượng này không thực hiện được do đất có tranh chấp.

Thời gian sau đó, vợ chồng anh Hoàng Văn Th, chị Nguyễn Thị M1 tiếp tục đòi nợ thì Tàng Văn M phủ nhận việc vay tiền của anh Hoàng Văn Th. Ngày 28/5/2021, anh Hoàng Văn Th đã khởi kiện Tàng Văn M ra Tòa án nhân dân huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết tranh chấp. Quá trình làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn, Tàng Văn M vẫn phủ nhận việc vay tiền của anh Hoàng Văn Th. Ngày 30/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Đình L1, tỉnh Lạng Sơn có Văn bản kiến nghị khởi tố số 271/CV-TA gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đề nghị xem xét xử lý vụ việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Tàng Văn M và anh Hoàng Văn Th có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tại Cơ quan điều tra, Tàng Văn M phủ nhận việc vay nợ tiền với vợ chồng anh Hoàng Văn Th, chị Nguyễn Thị M1.

Ngày 17/5/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm (lần 1); tại phiên tòa bị cáo Tàng Văn M khai báo quanh co không thừa nhận hành vi phạm tội. Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo Tàng Văn M 12 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 và công nhận thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là anh Hoàng Văn Th, chị Nguyễn Thị M1 về trách nhiệm bồi thường dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Tàng Văn M kháng cáo kêu oan.

Bản án hình sự phúc thẩm số 159/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn để điều tra lại, do chưa chứng minh rõ yếu tố gian dối của Tàng Văn M để chiếm đoạt tài sản của anh Hoàng Văn Th hoặc chứng minh Tàng Văn M có tài sản nhưng cố tình không trả.

Trong quá trình điều tra lại:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn tiến hành xác minh, lấy lời khai của bị cáo, lời khai của những người có liên quan đến vụ án và cho bị cáo Tàng Văn M và bị hại anh Hoàng Văn Th thực hiện việc đối chất.

Tại Cáo trạng số 110/CT-VKSLS-P1 ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố Tàng Văn M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2024/HS-ST ngày 24/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 3, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm 3 khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tàng Văn M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Tàng Văn M 12 (M hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 23/9/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Tàng Văn M phải bồi thường cho bị hại anh Hoàng Văn Th, chị Nguyễn Thị M1 số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/4/2024, bị cáo Tàng Văn M kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Tàng Văn M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Tàng Văn M không phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như Cáo trạng và Bản án sơ thẩm truy tố, xét xử vì: trong án này không có yếu tố hình sự, không có dấu hiệu phạm tội; việc Tàng Văn M nợ tiền và có thỏa thuận trả tiền, không lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh Hoàng Văn Th, chị Nguyễn Thị M1; Tàng Văn M không chối bỏ nghĩa vụ trả nợ cho anh Th, chị M1; việc mua đi bán lại 03 chiếc xe ô tô của M không liên quan đến vụ án. Có đủ căn cứ khẳng định thời điểm khởi tố, bắt tạm giam Tàng Văn M thì bản thân bị cáo và gia đình đã trả nợ xong cho anh Th, chị M1 và theo đánh giá của hai bên, anh Th còn nợ bị cáo 100 triệu đồng. Do vậy có đủ cơ sở xác định Tàng Văn M không phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như Cáo trạng số 110/CT-VKS ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố và Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2023/HS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 298, khoản 1 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả tự do cho Tàng Văn M tại phiên tòa vì bị cáo không có tội.

Người bị hại anh Hoàng Văn Th, chị Nguyễn Thị M1 đề nghị xử lý bị cáo Tàng Văn M theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo phải trả lại số tiền vay cho vợ chồng anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Xét nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo thấy: Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ, biên bản hỏi cung và bản tự khai của bị cáo Tăng Văn M, lời khai của người bị hại, những người làm chứng đã chứng minh ý thức chủ quan của bị cáo M trong việc gian dối không nhận nợ nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay của vợ chồng anh Hoàng Văn Th, chị Nguyễn Thị M1. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Cấp sơ thẩm lần 2 đã làm rõ về ý thức chủ quan của bị cáo M theo yêu cầu của cấp phúc thẩm sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, đồng thời giữ nguyên quan điểm truy tố, xét xử bị cáo Tăng Văn M với tội danh “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo nhưng không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ nào để minh oan nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo M, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, bác kháng cáo của bị cáo Tăng Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Tăng Văn M vẫn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo Tăng Văn M trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Tăng Văn M, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tăng Văn M không thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở kết luận: Ngày 27/10/2016, Tăng Văn M vay của vợ chồng anh Hoàng Văn Th, chị Nguyễn Thị M1 số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng. Sau đó đến tháng 12/2016, Tăng Văn M giao Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 12C-053.41 nhãn hiệu Mazda của M cho anh Th để đảm bảo khoản vay. Ngày 26/3/2017, M

đề nghị anh Th, chị M1 cho xin lại Giấy đăng ký xe ô tô nói trên để M làm thủ tục bán xe và cam kết sẽ trả tiền cho anh Th, chị M1 vào ngày 27/4/2017. Sau khi nhận lại Giấy đăng ký xe ô tô trên, M đã đem bán chiếc xe ô tô này cho anh Hoàng Trung D với giá 720.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền của anh D. Tuy nhiên, sau khi bán được xe ô tô, M không trả tiền cho anh Th, chị M1 như đã cam kết. Số tiền bị cáo bán xe ô tô trên cao hơn số tiền bị cáo vay của vợ chồng anh Th, chị M1. Như vậy, hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của Tàng Văn M đã hoàn thành kể từ thời điểm M bán chiếc xe ô tô mà không trả tiền vay cho anh Th, chị M1. Sau đó, Tàng Văn M đã mua và bán thêm hai chiếc xe ô tô nữa nhưng khi có tiền M vẫn cố tình không trả số tiền đã vay của anh Th, chị M1. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo Tàng Văn M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Hơn nữa, sau thời điểm tháng 7/2019, khi bị đòi tiền nhiều lần, bị cáo đã dùng đất của bố để là ông Tàng Văn N để gán nợ nhưng do đất có tranh chấp nên không gán nợ được. Mặt khác, theo Giấy chuyển nhượng đất chỉ thể hiện ông Tàng Văn N (bố bị cáo) chuyển nhượng đất cho anh Ma Văn Q, không có căn cứ là chuyển nhượng cho anh Hoàng Văn Th (BL số 315) và khi bị anh Th khởi kiện ra Tòa án, bị cáo M đã phủ nhận khoản vay nói trên nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng bị cáo đã vay của vợ chồng anh Th, chị M1.

Đối với mảnh đất của ông Tàng Văn N mà M dùng để gán nợ, theo Giấy chuyển nhượng đất (viết tay) thể hiện ông N chuyển nhượng cho anh Ma Văn Q. Tại cơ quan điều tra, M cũng thừa nhận việc chuyển nhượng thửa đất trên không liên quan đến việc vay nợ giữa M và vợ chồng anh Th, chị M1. Do đó, không có căn cứ là M chuyển nhượng đất cho anh Th để gán nợ. Sau này, khi anh Th biết việc M chuyển nhượng thửa đất cho anh Q, thấy giá trị thửa đất tương đương khoản M nợ nên anh Th đã trao đổi với anh Q và M để anh Th nhận chuyển nhượng thửa đất của M để gán nợ của M. Chỉ khi anh Th biết việc anh Q nhận chuyển nhượng đất của M để gán nợ của M với anh Q thì anh Th mới đề nghị anh Q để lại mảnh đất đó để gán số nợ của M với anh Th nên M và anh Q đồng ý (nhưng không viết giấy chuyển nhượng đất cho anh Th). Tuy nhiên, sau khi anh Th khởi kiện M ra Tòa án thì M đã phủ nhận khoản vay với anh Th, chị M1, phủ nhận việc đến nhà anh Th vay tiền và nhận tiền vay, cho thấy M có mục đích chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng đã vay của anh Th, chị M1.

Tại cấp sơ thẩm lần 1, cơ quan điều tra đã làm rõ ý thức chủ quan về việc chiếm đoạt số tiền vay anh Th của M cấu thành khi M lợi dụng sự tin tưởng của anh Th để xin lại Giấy đăng ký xe ô tô để bán trả nợ nhưng khi bán được xe ô tô thì M không trả tiền cho anh Th, chị M1. Không chỉ dừng ở hành vi gian dối ban đầu, mà sau đó M có vay tiền ngân hàng trả góp để mua 02 xe ô tô khác, hàng tháng trả lãi ngân hàng cho đến khi chuyển nhượng 02 xe ô tô này cho người khác. Sau này, mặc dù M có ý định chuyển nhượng đất sang cho anh Th

để gán nợ nhưng thực tế M và ông N phải biết thừa đất đang có tranh chấp giữa ông N và ông Hoàng Văn T nên không sang tên được nhưng vẫn chuyển nhượng và nhận 100 triệu đồng từ anh Th để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Những hành vi đó của M đủ chứng minh mặc dù M có khả năng trả nợ (hoặc trả nợ một phần) cho anh Th nhưng M vẫn cố tình không trả. Lời khai của M tại BL228-229 ngày 16/12/2021 cho rằng *“do tiền vay làm ăn nên chưa lấy được tiền từ Trung Quốc nên tôi đã tách biệt khoản nợ của anh Th với khoản tiền phía Trung Quốc khi nào tôi đòi được nợ tôi trả anh Th. Nên bản thân tôi sau khi xác nhận nợ với Th tôi vẫn sử dụng tiền vào việc mua xe ô tô và chi phí khác. Bản thân tôi nhận thức không rõ ràng, tiền mua xe tôi kiếm được là từ nguồn khác nên tôi chi vào việc mua xe ô tô”* là bao biện, không hợp lý nên không được chấp nhận.

Bị cáo Tăng Văn M kháng cáo kêu oan nhưng không có cơ sở, cấp sơ thẩm lần 2 tuyên phạt bị cáo M 12 năm 06 tháng tù là phù hợp với mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự (từ 12 năm đến 20 năm tù), tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Mặc dù quá trình điều tra từ giai đoạn sơ thẩm lần 1, phúc thẩm lần 1 và sơ thẩm lần 2 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm lần 2 bị cáo vẫn quanh co chối tội nhưng cuối cùng bị cáo cũng thừa nhận có vay của anh Th, chị M1 số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất theo lãi ngân hàng tại Giấy chốt nợ ngày 29/02/2017 (BL43) nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm lần 2 đã cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là đã thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Tăng Văn M là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ngay từ đầu không có tiền góp cùng anh Q và anh H1 để mở rộng kinh doanh nên M đã cùng anh Q, anh H1 đến nhờ vợ chồng anh Th đứng ra vay tiền ngân hàng giúp (bản thân M vay của anh Th 500.000.000 đồng). Vì quen biết và tin tưởng M là bạn của anh Q (là anh rể của Th) nên ban đầu anh Th không làm giấy vay mượn tiền. Thời gian đầu kinh doanh có lãi, M, anh Q, anh H1 vẫn thực hiện trả lãi đầy đủ cho anh Th theo lãi suất ngân hàng. Nhưng sau khi kinh doanh thua lỗ, M đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho anh Th nữa, anh Th đã nhiều lần gọi điện, lên nhà M đòi nhưng M không gặp, lấy nhiều lý do không trả tiền, nhiều lần không nghe điện thoại của anh Th cho thấy M có ý định trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tại các giai đoạn xét xử lần 1, đến lần 2, M tiếp tục phủ nhận việc vay tiền của anh Th nhưng qua đấu tranh và xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm lần 2, cuối cùng M đã thừa nhận có vay anh Th, chị M1 500.000.000 đồng. Như vậy, từ đầu đến cuối cho thấy M đã lạm dụng sự tín nhiệm của anh Th, chị M1 để vay tiền và không có ý định trả nợ cho anh Th, chị M1. Thậm chí sau 03 lần bán xe ô tô, số tiền bán được lớn hơn số tiền nợ anh Th, chị M1 nhưng M cũng không trả

tiền cho anh Th, chị M1.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ, biên bản hỏi cung và tự khai của bị cáo M, lời khai của những người làm chứng đã chứng minh ý thức chủ quan của M trong việc gian dối không nhận nợ nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay của anh Th, đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Cấp sơ thẩm lần 2 đã làm rõ về ý thức chủ quan của bị cáo Tàng Văn M theo yêu cầu của cấp phúc thẩm sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, đồng thời giữ nguyên quan điểm truy tố, xét xử Tàng Văn M với tội danh “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự với mức hình phạt 12 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và không oan như kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Tàng Văn M kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào để minh oan, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo M cũng như quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Tàng Văn M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tàng Văn M;

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 3, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tàng Văn M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Tàng Văn M 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 24/9/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tàng Văn M.

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Tàng Văn M phải bồi thường cho bị hại anh Hoàng Văn Th, chị Nguyễn Thị M1 số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

2. Về án phí: Bị cáo Tàng Văn M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự

phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- TTG - Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người bị hại (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học